

Số 06-NQ/TW

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2016

ĐẢNG BỘ TRƯỞNG CĐKT LÝ TỰ TRỌNG	
CV	Số: 180
Ngày: 01/12/2016	
Chuyển: <i>Đang</i>	
Ưu hồ sơ: <i>Đang</i>	

BẢN-SAO**NGHỊ QUYẾT**

HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XII

về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế,
giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta
tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới

I- TÌNH HÌNH

1- Từ khi nước ta chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (năm 2007) đến nay, tiến trình chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng hơn, đạt được nhiều kết quả tích cực, khá toàn diện trên các lĩnh vực, nổi bật là:

- Hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành một trong những động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, làm tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia; thúc đẩy hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu, tranh thủ được khối lượng lớn vốn đầu tư, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm quản lý và các nguồn lực quan trọng khác; tạo thêm nhiều việc làm; nâng cao dân trí và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập quốc tế từ Trung ương đến địa phương được nâng lên một bước; tổ chức, bộ máy các cơ quan quản lý nhà nước được củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động. Đội ngũ doanh nhân Việt Nam có bước trưởng thành đáng kể.

- Hội nhập kinh tế quốc tế đã đóng góp quan trọng vào việc mở rộng và đưa quan hệ của nước ta với các đối tác đi vào chiều sâu, tạo thế đan xen lợi ích, góp phần gìn giữ môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam, nâng cao uy tín và vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

2- Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, hội nhập kinh tế quốc tế vẫn còn một số hạn chế, yếu kém:

- Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế có nơi, có lúc chưa được quán triệt kịp thời, đầy đủ và thực hiện nghiêm túc. Hội nhập kinh tế quốc tế còn bị tác động bởi cách tiếp cận phiến diện, ngắn hạn và cục bộ; do đó, chưa tận dụng được hết các cơ hội và ứng phó hữu hiệu với các thách thức.

- Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và quá trình đổi mới ở trong nước, nhất là đổi mới, hoàn thiện thể chế, trước hết là hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa được thực hiện một cách đồng bộ, chưa gắn kết chặt chẽ với quá trình nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, môi trường sinh thái, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

- Hội nhập kinh tế quốc tế chưa được phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với hội nhập trong các lĩnh vực khác. Chưa tạo được sự đan xen chặt chẽ lợi ích chiến lược, lâu dài với các đối tác, nhất là các đối tác quan trọng. Việc ứng phó với những biến động và xử lý những tác động từ môi trường khu vực và quốc tế còn bị động, lúng túng và chưa đồng bộ.

3- Hiện nay, tình hình trong nước, khu vực và thế giới đã có nhiều thay đổi, đang diễn biến phức tạp, khó lường. Bên cạnh thời cơ, thuận lợi, đất nước ta tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội, khả năng bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội, giữ vững môi trường hoà bình, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững.

Việc thực hiện có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới sẽ tạo ra cơ hội mở rộng, đa dạng hoá thị trường với mức ưu đãi cao, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng, mạng lưới sản xuất toàn cầu; góp phần tích cực vào quá trình đổi mới đồng bộ và toàn diện, khơi dậy tiềm năng của đất nước và sức sáng tạo của các tầng lớp nhân dân, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao trình độ phát triển, giảm dần tỉ trọng gia công lắp ráp của nền kinh tế. Nước ta cũng có cơ hội tham gia chủ động và sâu hơn vào quá trình định hình và cải cách các định chế, cơ chế, cấu trúc khu vực và quốc tế có lợi cho ta và có điều kiện thuận lợi để đấu tranh bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, lợi ích của các tổ chức, cá nhân; bảo đảm độc lập, tự chủ, củng cố và duy trì

môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Doanh nghiệp Việt Nam nhìn chung có cơ hội để phát triển mạnh hơn, sáng tạo hơn và có sức cạnh tranh hơn. Người tiêu dùng có thêm cơ hội lựa chọn hàng hoá, dịch vụ chất lượng cao, giá cả cạnh tranh; bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh, môi trường.

Tuy nhiên, việc khắc phục những hạn chế, yếu kém, tồn tại và triển khai thực hiện các cam kết quốc tế mới cũng sẽ đặt ra nhiều khó khăn, thách thức không chỉ về kinh tế mà còn cả về chính trị, xã hội. Sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhiều ngành, doanh nghiệp và sản phẩm của nước ta sẽ gặp khó khăn hơn. Việc thực hiện các cam kết sâu rộng và cao hơn, nhất là vấn đề lao động, việc làm, bảo vệ môi trường... đáp ứng yêu cầu nội luật hoá các cam kết nếu không được nghiên cứu, chuẩn bị kỹ, có lộ trình, bước đi phù hợp, sẽ tác động tiêu cực đến quá trình đổi mới, hoàn thiện thể chế, giải quyết những vấn đề phức tạp, nhạy cảm. Việc thực hiện các tiêu chuẩn của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) cũng đặt ra những thách thức mới không chỉ đối với quản lý của Nhà nước mà còn có thể ảnh hưởng đến ổn định chính trị - xã hội, vai trò và hoạt động của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Những cơ hội và thách thức nêu trên có mối quan hệ qua lại và có thể chuyển hoá lẫn nhau. Cơ hội có thể trở thành thách thức nếu không được tận dụng kịp thời. Thách thức có thể biến thành cơ hội nếu chúng ta chủ động ứng phó thành công.

II- MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1- Mục tiêu: Thực hiện tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, nhằm tăng cường khả năng tự chủ của nền kinh tế, mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm quản lý, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

2- Quan điểm chỉ đạo

- Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc là định hướng chiến lược lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vận dụng sáng tạo các bài học kinh nghiệm và giải quyết tốt các

mối quan hệ lớn, nhất là mối quan hệ giữa tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

- Hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm của hội nhập quốc tế; hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân; doanh nhân, doanh nghiệp, đội ngũ trí thức là lực lượng đi đầu. Nhà nước cần tập trung khuyến khích, tạo điều kiện cho sự phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm Việt Nam, nâng cao trình độ phát triển của nền kinh tế.

- Bảo đảm đồng bộ giữa đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Đẩy mạnh việc đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách; chủ động xử lý các vấn đề nảy sinh; giám sát chặt chẽ và quản lý hiệu quả quá trình thực hiện cam kết trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, nhất là trong những lĩnh vực, vấn đề liên quan đến ổn định chính trị - xã hội.

- Bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là công đoàn, phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

III- MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH LỚN

1- Chủ trương, chính sách chung

- Xử lý thoả đáng mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng nền kinh tế có khả năng tự chủ cao, ứng phó được với những biến động kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh kinh tế.

- Thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, coi đây vừa là tiền đề, vừa là hệ quả của hội nhập kinh tế quốc tế, là giải pháp có tính quyết định để nâng cao nội lực nhằm tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức của giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế mới, bảo đảm nền kinh tế phát

triển nhanh và bền vững. Xác định gia tăng xuất khẩu, số lượng và chất lượng thu hút đầu tư nước ngoài, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế là các tiêu chí kinh tế trực tiếp để đánh giá kết quả hội nhập quốc tế về kinh tế.

- Tiếp tục thực hiện ba đột phá chiến lược, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển nhanh và bền vững; thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị trong tình hình mới và thực thi các cam kết quốc tế. Tập trung nghiên cứu, triển khai thực hiện các giải pháp mới có hiệu quả để phát huy sức mạnh tổng hợp và sự sáng tạo của cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân; huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển.

- Trong 5 - 10 năm tới, tập trung khai thác hiệu quả các cam kết quốc tế, xây dựng các cơ chế, chính sách phòng vệ thương mại, phòng ngừa và giải quyết tranh chấp quốc tế; có chính sách phù hợp hỗ trợ các lĩnh vực có năng lực cạnh tranh thấp vươn lên; tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực cán bộ, trình độ pháp luật quốc tế, xây dựng hàng rào kỹ thuật, biện pháp phòng vệ chủ động phù hợp.

2- Các chủ trương, chính sách cụ thể

2.1- Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức

- Tăng cường công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân về hội nhập kinh tế quốc tế nói riêng và hội nhập quốc tế nói chung. Nâng cao hiểu biết và sự đồng thuận của cả xã hội, đặc biệt là của doanh nghiệp, doanh nhân đối với các thoả thuận quốc tế, đặc biệt là cơ hội, thách thức và những yêu cầu phải đáp ứng khi tham gia và thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới bằng các hình thức, nội dung tuyên truyền phù hợp và hiệu quả cho từng ngành hàng, hiệp hội, doanh nghiệp và cộng đồng.

- Chú trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Chủ động, kịp thời phát hiện, đấu tranh với các luận điệu, quan điểm sai trái, thù địch; bảo vệ đường lối, chủ trương của Đảng về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2- Hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao năng lực thực thi pháp luật

- Khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện luật pháp trực tiếp liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với Hiến pháp, tuân thủ đầy đủ, đúng đắn các quy luật của kinh tế thị trường và các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; nội luật hoá theo lộ trình phù hợp những điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, trước hết là luật pháp về thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, lao động - công đoàn... bảo đảm tranh thủ được thời cơ, thuận lợi, vượt qua các khó khăn, thách thức từ việc tham gia và thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

- Nâng cao nhận thức và năng lực pháp lý, đặc biệt là luật pháp quốc tế, thương mại quốc tế, trước hết là của cán bộ chủ chốt các ngành và chính quyền các cấp, doanh nghiệp, cán bộ làm công tác tổ tụng, đội ngũ luật sư và những người trực tiếp làm công tác hội nhập kinh tế quốc tế.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển doanh nghiệp; đặc biệt là hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ cùng với khuyến khích khởi nghiệp, sáng tạo. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán - sáp nhập doanh nghiệp Việt Nam, trên cơ sở phát huy nội lực, bảo đảm tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, phù hợp với các cam kết quốc tế.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế và các ban chỉ đạo liên ngành về hội nhập kinh tế quốc tế, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực chính trị - quốc phòng - an ninh, hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hoá - xã hội, giáo dục, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác nhằm tạo sức mạnh tổng hợp của quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế.

2.3- Nâng cao năng lực cạnh tranh

- Nghiêm túc quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung ưu tiên đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Tiếp tục ổn định và củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô vững chắc; kiểm soát tốt lạm phát; bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; giữ vững an ninh kinh tế.

- Tiếp tục thực hiện ba đột phá chiến lược; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; chú trọng phát triển nguồn nhân lực Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập của đất nước. Ưu tiên phát triển và chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là khoa học - công nghệ hiện đại, coi đây là yếu tố trọng yếu nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại tổng thể các ngành, lĩnh vực kinh tế trên phạm vi cả nước và từng vùng, địa phương, doanh nghiệp với tầm nhìn dài hạn, có lộ trình cụ thể; gắn kết chặt chẽ giữa cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế với cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực trọng tâm trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Tập trung ưu tiên cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; cơ cấu lại thị trường tài chính, trọng tâm là các tổ chức tín dụng; đổi mới, cơ cấu lại khu vực sự nghiệp công lập; cơ cấu lại nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ... Đồng thời, đổi mới phương thức thực hiện liên kết, phối hợp trong phát triển kinh tế vùng; thực hiện có hiệu quả quá trình đô thị hoá.

- Xây dựng và triển khai các chính sách hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng, chất lượng ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế để khu vực kinh tế này thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế, một lực lượng nòng cốt trong hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực. Tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo; đẩy nhanh phổ cập ngoại ngữ, trọng tâm là tiếng Anh trong giáo dục các cấp. Đẩy mạnh dạy nghề và gắn kết đào tạo với doanh nghiệp; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất kinh doanh.

- Giám sát thường xuyên, tăng cường công tác dự báo về tăng trưởng xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài, năng suất lao động, xuất khẩu lao động, xác định cơ cấu trong mỗi ngành kinh tế và toàn bộ nền kinh tế để có cơ sở đánh giá hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế và kịp thời điều chỉnh chính sách, biện pháp.

2.4- Tập trung ưu tiên phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

- Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân ở nông thôn. Chủ động ban hành và triển khai thực hiện chính sách đối với nông nghiệp và nông thôn, nhất là chính sách tích tụ, tập trung ruộng đất gắn với cơ cấu lại lao động ở nông thôn nhằm khắc phục những điểm yếu của sản xuất nhỏ, manh mún, kết nối kém; khoa học - công nghệ trình độ thấp; kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn lạc hậu.

- Tập trung phát triển ngành nông nghiệp với các sản phẩm sạch, thân thiện với môi trường, nông nghiệp hữu cơ, có năng suất cao, có giá trị lớn và có khả năng xuất khẩu phù hợp với biến đổi khí hậu và môi trường sinh thái. Triển khai hiệu quả các nội dung "tam nông", mô hình "liên kết bốn nhà". Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế tập thể, nòng cốt là hợp tác xã kiểu mới với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu dùng và xuất khẩu.

- Hiện đại hoá, thương mại hoá nông nghiệp, chuyển mạnh sang phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, sản xuất lớn, dựa vào khoa học - công nghệ, có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao. Chuyển nền nông nghiệp từ sản xuất lương thực là chủ yếu sang phát triển nền nông nghiệp đa dạng phù hợp với lợi thế của từng vùng.

- Khẩn trương hình thành quy hoạch tổng thể phát triển những mặt hàng, sản phẩm Việt Nam có thế mạnh. Đồng thời, chuẩn bị những giải pháp ứng phó, hỗ trợ đối với những ngành hàng, mặt hàng chịu tác động lớn, trực tiếp từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu phức tạp hiện nay.

- Tranh thủ lộ trình chuyển đổi quy định trong các cam kết quốc tế để tập trung thực hiện các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là các chính sách để tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; tổ chức nông dân sản xuất nông sản hàng hoá quy mô lớn, chất lượng bảo đảm gắn

với chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu. Xây dựng nông nghiệp phát triển bền vững, hiệu quả trong hội nhập kinh tế quốc tế và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.5- Tăng cường quốc phòng, an ninh

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, đặc biệt là xây dựng thể trận lòng dân vững chắc. Kết hợp tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Kết hợp tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và tính tất yếu của hội nhập kinh tế quốc tế với tăng cường công tác giáo dục, nâng cao cảnh giác cách mạng cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, nhận thức rõ âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng hội nhập quốc tế để tiến hành chiến lược "diễn biến hoà bình" chống phá đất nước ta.

- Chủ động, tỉnh táo, đấu tranh kịp thời với những âm mưu, ý đồ thông qua hội nhập kinh tế quốc tế để xâm phạm chủ quyền, an ninh quốc gia, áp đặt về chính trị đối với nước ta.

- Đẩy mạnh việc phòng, chống tội phạm, kiên quyết triệt phá những băng nhóm tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao, tội phạm kinh tế, khủng bố,... Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn. Tăng cường hiệu quả hoạt động của các lực lượng thực thi pháp luật, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.

- Kết hợp tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội; các dự án, công trình kinh tế trong các khu vực phòng thủ phải bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, có tính lưỡng dụng, nhất là ở những vị trí trọng yếu, chiến lược. Theo sát, nắm chắc tình hình, làm thất bại mọi âm mưu lợi dụng hội nhập, gắn kết kinh tế để chống phá, gây mất ổn định chính trị - xã hội.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình và triển khai cơ cấu, sắp xếp, tổ chức lại doanh nghiệp trong lực lượng vũ trang. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong lực lượng vũ trang chủ động tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh kết hợp với bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế để duy trì môi trường hoà bình, ổn định, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh. Chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động chung về quốc phòng, an ninh tại khu vực và quốc tế phù hợp với lợi ích và khả năng của Việt Nam.

2.6- Nâng cao và phát huy hiệu quả uy tín và vị thế quốc tế

- Đẩy mạnh và chủ động làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác có tầm quan trọng chiến lược đối với sự phát triển và an ninh của đất nước; chủ động, tích cực tham gia xây dựng Cộng đồng ASEAN, đưa các khuôn khổ quan hệ đã xác lập đi vào thực chất, tạo sự đan xen gắn kết lợi ích lâu bền giữa nước ta với các đối tác, nhất là các đối tác lớn, quan trọng.

- Tạo dựng và nâng cao mức độ tin cậy, nâng cao hiệu quả các cơ chế hợp tác giữa ta và các đối tác, trước hết là các nước láng giềng, các nước lớn. Thúc đẩy các biện pháp xây dựng lòng tin, minh bạch hoá chính sách và thực hiện nghiêm túc, nhất quán các cam kết quốc tế. Gia tăng số lượng và mức độ hiệu quả của các cơ chế hợp tác giữa ta và các nước đối tác.

- Đẩy mạnh, nâng tầm công tác đối ngoại đa phương; chủ động, tích cực tham gia các định chế đa phương, góp phần vào quá trình định hình các cấu trúc khu vực và toàn cầu; tích cực tham gia vào những vấn đề quan trọng đối với an ninh và phát triển của đất nước.

- Phát huy vị thế quốc tế để hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc khi triển khai các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Phát huy uy tín và vị thế quốc tế để tạo môi trường thuận lợi cho phát triển, đồng thời giữ vững độc lập, chủ quyền trong quá trình hội nhập; giữ vững thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, ổn định chính trị, kiên quyết, kiên trì đấu tranh với các âm mưu và ý đồ phá hoại của các thế lực thù địch.

- Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa ngoại giao nhà nước, đối ngoại Đảng và đối ngoại nhân dân trong quá trình hội nhập để phát huy tốt vai trò và thế mạnh đặc thù của mỗi kênh đối ngoại.

2.7- Bảo vệ và phát huy những giá trị văn hoá dân tộc

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về văn hoá trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã

hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhất là trong bối cảnh có sự phát triển đột phá của công nghệ thông tin và truyền thông.

- Giữ vững và không ngừng phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Phát triển hài hoà giữa kinh tế và văn hoá, phát triển công nghiệp văn hoá đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường các sản phẩm văn hoá. Xây dựng văn hoá trong kinh tế; khai thác hiệu quả khía cạnh kinh tế của văn hoá, nâng cao giá trị văn hoá trong các sản phẩm mang đặc trưng, đặc sắc của mỗi địa phương.

- Đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương về văn hoá. Lồng ghép các hoạt động hội nhập quốc tế trong quá trình xây dựng và triển khai chiến lược bảo tồn, phát huy và quảng bá văn hoá. Chủ động nâng cao hiệu quả quản lý nội dung sản phẩm văn hoá, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn sự xâm nhập của những sản phẩm văn hoá không lành mạnh từ bên ngoài (đặc biệt là trên mạng Internet).

- Các địa phương chủ động phối hợp với các bộ, ngành có liên quan tổ chức các chương trình văn hoá tại địa phương mình hoặc ở nước ngoài nhằm giới thiệu, quảng bá những nét văn hoá độc đáo của địa phương; đồng thời chủ động mở rộng hợp tác với các địa phương trên thế giới.

2.8- Giải quyết tốt các vấn đề xã hội

- Sửa đổi, bổ sung, kiện toàn hệ thống pháp luật về an sinh xã hội, tạo khuôn khổ pháp lý đầy đủ, phù hợp, các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm an toàn vệ sinh lao động, trợ cấp xã hội...; xây dựng và triển khai chương trình hợp tác về tương hỗ bảo hiểm xã hội với các nước. Hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh các quan hệ xã hội, đặc biệt về quan hệ lao động và những vấn đề mới phát sinh từ quá trình thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

- Thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm nghèo bền vững theo phương pháp tiếp cận đa chiều; thu hẹp khoảng cách phát triển và khoảng cách giàu - nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc, bảo đảm công bằng xã hội. Chủ động xây dựng và thực hiện chính sách bảo đảm trợ giúp xã hội cho các nhóm đối tượng yếu thế hoặc dễ bị tổn thương của quá trình triển khai các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

- Bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ, các dịch vụ xã hội cơ bản cho nhân dân như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn, miền núi, biên giới và hải đảo.

2.9- Giải quyết tốt các vấn đề môi trường

- Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách và thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường quản lý và sử dụng có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Kiên quyết bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường. Thực hiện quy chuẩn, tiêu chuẩn phát thải theo lộ trình phù hợp với các cam kết quốc tế.

- Triển khai mạnh mẽ các biện pháp cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân. Kiểm soát chặt chẽ nguồn gây ô nhiễm. Hạn chế, tiến tới ngăn chặn hoàn toàn tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, lưu vực sông, khu công nghiệp, khu đô thị và bờ biển. Tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng, nhất là các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) quy mô lớn. Triển khai nhanh lộ trình kiểm soát khí thải đối với xe cơ giới, nhất là ở các đô thị lớn.

- Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện và thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng và đối với môi trường. Thúc đẩy xã hội hoá công tác vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường. Mỗi người dân là một người thực hiện và giám sát thực tế bảo vệ môi trường để kịp thời ngăn chặn, thông báo, tố cáo những hành vi vi phạm, huỷ hoại môi trường.

Khai thác, sử dụng khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, hoàn thiện quy hoạch và tăng cường quản lý, giám sát, sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Khai thác và sử dụng bền vững nguồn nước; chủ động hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ, quản lý và sử dụng bền vững nguồn nước xuyên quốc gia, nhất là nguồn nước Sông Mê Công. Tăng cường bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng phòng hộ ven biển, rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

2.10- Đổi mới tổ chức, hoạt động của tổ chức công đoàn và quản lý tốt sự ra đời, hoạt động của các tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là tổ chức công đoàn trong tiến trình hội nhập quốc tế. Đổi mới tổ chức, hoạt động của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới; tạo điều kiện về nguồn lực đủ mạnh để bảo đảm hiệu quả các hoạt động đại diện, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, thu hút người lao động và tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp tham gia Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; vai trò của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các tổ chức đại diện cộng đồng doanh nghiệp. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức của người lao động nằm ngoài hệ thống của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trên cơ sở phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở.

- Ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về phân công trách nhiệm quản lý nhà nước để đổi mới, tăng cường quản lý có hiệu quả sự ra đời và hoạt động của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, tạo điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh ổn định, thành công.

- Bảo đảm sự ra đời, hoạt động của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp phù hợp với quá trình hoàn thiện khuôn khổ pháp luật, kiện toàn các công cụ, biện pháp quản lý nhằm tạo điều kiện để tổ chức này hoạt động thuận lợi, lành mạnh theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với các nguyên tắc của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), đồng thời giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo phê chuẩn kịp thời vào thời điểm phù hợp các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trước hết là Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) để tạo điều kiện thuận lợi cho Hiệp định có hiệu lực theo cam kết, cùng với Chương trình sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan phù hợp với điều kiện trong nước và cam kết quốc tế của Việt Nam.

- Ban cán sự đảng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế, các ban chỉ đạo liên ngành về hội nhập kinh tế quốc tế xây dựng và chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết.

- Các tỉnh ủy, thành ủy, ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương và đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương quán triệt Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Ban Tuyên giáo Trung ương hướng dẫn việc học tập, quán triệt Nghị quyết, chỉ đạo công tác tuyên truyền, tạo nhận thức đúng trong toàn bộ hệ thống chính trị, toàn dân, toàn quân, tạo sức mạnh tổng hợp bảo đảm thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

- Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xây dựng Đề án "Đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn trong tình hình mới".

- Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:

- Các tỉnh ủy, thành ủy,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG

Số 255-BS/VPTU

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thành ủy viên,
- Các ban Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy,
- Các quận ủy, huyện ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở và đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, Ban Thường vụ Thành Đoàn,
- VPTU (Lãnh đạo, Phòng NCTH),
- Lưu VPTU.

Sao lục

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2016

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Anh Tuấn